

CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN
VISSAN JOINT STOCK COMPANY

Số: 4240/VISSAN
No: 4240/VISSAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 01 năm 2026
Ho Chi Minh City, day 01 month 01, 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**
***INFORMATION DISCLOSURE ON THE ELECTRONIC PORTAL OF THE
STATE SECURITIES COMMISSION AND HANOI STOCK EXCHANGE***

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
To: - *The State Securities Commission*
- *Ha Noi Stock Exchange*

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản.

Company name: Vissan Joint Stock Company

Mã chứng khoán: VSN

Stock code: VSN

Địa chỉ trụ sở chính: 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh.

Head Office Address: 420 No Trang Long street, Binh Loi Trung ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Điện thoại: +84.28 35533999

Fax: +84.28 35533939

Phone: +84.28 35533999

Fax: +84.28 35533939

Website: www.vissan.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Lê Minh Tuấn

Person in charge of information disclosure: Mr Le Minh Tuan

Loại thông tin công bố: bất thường

Type of information disclosure: abnormal

Nội dung thông tin công bố: Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Content of information disclosure: Disclosure of the minutes of the vote count regarding the written consultation of shareholders and the Resolution of the General Meeting of shareholders



Thông tin này đã được công bố vào ngày 01 /10/2026 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn:

<https://www.vissan.com.vn/thong-tin-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/?p=1>

This information was disclosed on 01 /10/2026 on the Company's website at the link:

<https://www.vissan.com.vn/thong-tin-co-dong/dai-hoi-dong-co-dong/?p=1>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin được công bố./.

We hereby commit that the information disclosed above is true and accurate, and we assume full legal responsibility for the content of the published information./.

Nơi nhận/Recipients:

- Như trên/As above;
- BKS/Supervisory board;
- Lưu: VT, TKHĐQT/Filed: Archives,
Board Secretary

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
LEGAL REPRESENTATIVE
TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR**



Lê Minh Tuấn



NGHỊ QUYẾT

**Phê duyệt điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy
giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025);

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (Công ty VISSAN) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/9/2026;

Căn cứ Tờ trình số 4106/TTr-HĐQT-VISSAN ngày 18/9/2026 của Hội đồng quản trị Công ty VISSAN về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 30/9/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”, cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan

2. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế:

- Loại dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhóm dự án: Nhóm B;
- Loại, cấp công trình chính: Công trình công nghiệp, cấp II;
- Thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế: 100 năm.

3. Mã định danh Dự án: 8026217292000

4. Địa điểm xây dựng dự án:

- Địa điểm xây dựng dự án: Xã Thạnh Lợi, Tỉnh Tây Ninh.
- Vị trí xây dựng công trình: Thửa đất số 58, Tờ bản đồ số 6
- Ranh giới cụ thể:
 - + Phía Bắc : giáp kênh Quảng Sang;



- + Phía Nam : giáp kênh Bội Lý;
- + Phía Đông : giáp đường tỉnh lộ 830 và đất đơn vị ở;
- + Phía Tây : Sông Vàm Cỏ Đông.
- Diện tích sử dụng đất của dự án: 224.012,08m².
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: 206.657,8m²
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 76.991,4m², trong đó:
- + Diện tích sàn xây dựng công trình chính: 66.683m²
- + Diện tích sàn xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: 10.308,4m²

5. Người quyết định đầu tư: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

6. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản

7. Nhà thầu tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh; nhà thầu tư vấn thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi; nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Nhà thầu tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh; nhà thầu tư vấn lập thiết kế cơ sở trong Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng Sagen, mã số doanh nghiệp 0305171144.

- Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Đầu tư Xây dựng Hợp Phát, mã số doanh nghiệp 0309531969.

- Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng CC, mã số doanh nghiệp 0301445549.

- Nhà thầu tư vấn quản lý dự án: Công ty CP ĐT XD KT Công nghệ HUTECH, mã số doanh nghiệp 0312278392.

8. Mục tiêu đầu tư của dự án:

- Di dời cơ sở sản xuất kinh doanh cũ của Công ty VISSAN ra ngoài khỏi trung tâm theo chủ trương của Thành phố Hồ Chí Minh;

- Đổi mới dây chuyền công nghệ giết mổ gia súc (công nghệ hiện tại của Công ty VISSAN đã lạc hậu, có từ trước năm 1975);

- Gia tăng sản lượng sản xuất của công ty, tăng năng lực cạnh tranh, tăng độ nhận diện thương hiệu, hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra;

- Hình thành khu sản xuất khép kín để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

- Dây chuyền giết mổ heo: Công suất 240 con/giờ.

- Di dời 01 dây chuyền giết mổ trâu, bò: Công suất 30 con/giờ

- Sản xuất lạp xưởng: Quy mô 900 tấn/năm

- Sản xuất đồ hộp: Quy mô 2.650 tấn/năm.

- Sản xuất xúc xích tiệt trùng: Quy mô 20.800 tấn/năm

- Sản xuất thịt nguội: Quy mô 3.400 tấn/năm.
- Sản xuất giò các loại: Quy mô 1.500 tấn/năm.
- Sản xuất hàng chế biến khác: Quy mô 5.600 tấn/năm
- Hệ thống phụ trợ: Kho trữ đông, cấp đông, kho mát, xử lý nước thải, rác thải,...

10. Số bước thiết kế; danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng:

- Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (Thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công)
- Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng thể hiện theo Phụ lục 1 đính kèm.

11. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 1.558.444.936.417 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn, năm trăm năm mươi tám tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, bốn trăm mười bảy đồng*).

Giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư:

STT	NỘI DUNG	CHI PHÍ (đồng)
1	Chi phí xây dựng	882.440.373.823
2	Chi phí thiết bị	417.267.885.481
	- Chi phí thiết bị xây lắp	215.851.319.529
	- Chi phí thiết bị dây chuyền giết mổ heo 240 con/giờ	145.200.000.000
	- Chi phí di dời và lắp đặt thiết bị	56.216.565.952
3	Chi phí quản lý dự án	9.017.662.963
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	32.771.083.536
5	Chi phí khác	7.402.487.291
6	Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	133.269.085.202
7	Chi phí dự phòng	76.276.358.121

12. Thời gian thực hiện dự án (khởi công dự án): tháng 11 năm 2026

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu (tối thiểu 30%); vốn vay (tối đa 70%).

14. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án

15. Phương án phân chia gói thầu: Đảm bảo tính cạnh tranh, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với thực tế triển khai các gói thầu của dự án.

16. Phương án xây dựng (thiết kế cơ sở):

Thiết kế cơ sở dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan đã được lập trên cơ sở phù hợp với quy hoạch xây dựng chi tiết 1/500 được duyệt theo Quyết định số 1862/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lợi ngày 06 tháng 05 năm 2026.

Thiết kế cơ sở dự án được Sở Xây dựng thẩm định theo thông báo thẩm định số 8511/SXD - QLHĐXD ngày 14 tháng 7 năm 2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng Dự án Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan

17. Các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của dự án:

- Giá trị hiện tại thuần (NPV): 67,5 tỷ đồng



- Tỷ suất hoàn vốn nội tại (IRR): 10,45%
- Thời gian hoàn vốn: 19 năm 11 tháng

18. Hiệu quả về mặt chính trị:

Thực hiện theo Quyết định số 3976/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi nhà, đất thuộc sở hữu nhà nước, trong đó có khu đất nhà máy hiện hữu của Công ty VISSAN tại số 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh; Thông báo số 837/TB-VP ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng UBND Tp.HCM về kết luận của Chủ tịch UBND Thành phố, trong đó có liên quan đến tiến độ di dời và hoàn trả mặt bằng Nhà máy Vissan tại số 420 Nơ Trang Long, phường Bình Lợi Trung, TPHCM là thực hiện theo nhiệm vụ chính trị của Công ty VISSAN.

19. Hiệu quả xã hội: Ngoài các hiệu quả về phương diện tài chính. Dự án này sẽ mang lại một số hiệu quả về xã hội, cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn thi công dự án: góp phần tạo ra nhiều việc làm cho xã hội như các công nhân xây dựng, các kỹ sư chuyên ngành trong các công tác chuẩn bị và thực hiện đầu tư dự án.

- Trong giai đoạn khai thác dự án: tạo ra nhiều việc làm cho người lao động chủ yếu là công nhân, nhân viên kinh doanh, nghiệp vụ văn phòng. Ngoài ra, việc tập trung giết mổ với dây chuyền giết mổ hiện đại, thực hiện nghiêm ngặt các tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Góp phần thực hiện bình ổn giá và đảm bảo phục vụ người tiêu dùng trong các mùa cao điểm như các dịp Lễ, Tết,... Đồng thời góp phần phát triển ngành chăn nuôi và cung cấp các sản phẩm thực phẩm chất lượng cao, an toàn cho xã hội.

Điều 2. Giao Hội đồng quản trị tổ chức triển khai các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đầu tư, các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ, Quy chế của Công ty VISSAN.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Người đứng đầu các Phòng, Ban, Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT, TKHĐQT (T)

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HĐQT



Trương Hồng Phong



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG
(Đính kèm Nghị quyết số 03/NQ-ĐHĐCĐ-VISSAN ngày 30/9/2026)

1. Các quy chuẩn áp dụng

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- QCVN 02:2022/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- QCVN 05:2008/BXD: Nhà ở và công trình công cộng – An toàn sinh mạng và sức khỏe.
- QCVN 06:2022/BXD - Sửa đổi 1:2023: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình.
- QCVN 10:2025/BCA: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình.
- QCVN 07:2023/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- QCVN 08:2009/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về công trình ngầm đô thị.
- QCVN 09:2017/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình xây dựng sử dụng năng lượng hiệu quả.
- QCVN 13:2018/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô tô.
- Quy chuẩn hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình (ban hành kèm Quyết định số 47/1999/QĐ-BXD).
- QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- QCVN 40:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Và các Quy chuẩn hiện hành có liên quan.

2. Các tiêu chuẩn áp dụng

1.1. Bộ môn Kiến trúc

- Các tiêu chuẩn dùng thiết kế Kiến Trúc công trình bao gồm:
- TCVN 3904:1984: Nhà của các xí nghiệp công nghiệp - Thông số hình học;
- TCVN 4514:2012: Xí nghiệp công nghiệp - Tổng mặt bằng - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 4604:2012: Xí nghiệp công nghiệp - Nhà sản xuất - Tiêu chuẩn thiết kế;
- Và các Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành có liên quan.

1.2. Bộ môn Kết cấu

- TCVN 2737-2023: Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế.;
- TCVN 9386:2025: Thiết kế công trình chịu động đất;
- TCVN 5574-2018: Kết Cấu bê tông và Bê Tông Cốt Thép - Tiêu Chuẩn Thiết Kế;
- TCVN 5575:2024: Kết cấu thép – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10304:2025: Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9393:2012: Cọc – Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trực;
- TCVN 9362-2012: Thiết kế nền nhà và công trình;



- TCVN 9363:2012: Khảo sát cho xây dựng –Khảo sát địa kỹ thuật cho nhà cao tầng;
- TCVN 9379:2012: Kết cấu xây dựng và nền. Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
- TCVN 9346:2012: Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển;
- TCVN 1651-1:2018: Thép cốt bê tông – Phần 1: Thép thanh tròn trơn;
- TCVN 1651-2:2018: Thép cốt bê tông – Phần 2: Thép thanh vằn;

Ghi chú: Hồ sơ Kết cấu áp dụng TCVN hiện hành; các tiêu chuẩn nước ngoài được vận dụng bổ sung khi cần thiết, đảm bảo tính đồng bộ và phù hợp với các quy định hiện hành.

1.3. Bộ môn Cơ điện – điện nhẹ

1.3.1. Các tiêu chuẩn thiết kế phần điện:

- 11 TCN-18-2006: Quy phạm trang bị điện về Quy định chung;
- 11 TCN-19-2006: Quy phạm trang bị điện về Hệ thống đường dẫn điện;
- 11 TCN-20-2006: Quy phạm trang bị điện. Trang bị phân phối và trạm biến áp
- 11 TCN-21-2006: Quy phạm trang bị điện về Bảo vệ và tự động
- 05/2025/TT-BCT: Quy định về hệ thống điện phân phối
- 25/2016/TT-BCT: Quy định về hệ thống điện truyền tải
- TCVN 9206:2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình
- TCVN 9207:2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và trong công trình
- TCXD 9358:2012: Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – yêu cầu chung.
- TCVN 9385:2012: Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- TCVN 9888-3:2013: Bảo vệ chống sét - Phần 3: thiệt hại vật chất đến kết cấu và nguy hiểm tính mạng.
- TCVN 7114-1:2008: Chiếu sáng nơi làm việc - Phần 1 - Trong nhà.
- TCVN 7447: Bộ tiêu chuẩn quốc gia quy định các nguyên tắc thiết kế, lắp đặt và kiểm tra hệ thống điện hạ áp (dưới 1.000V AC)

1.3.2. Tiêu chuẩn thiết kế IEC về cáp ngầm

- IEC 60183: Hướng dẫn lựa chọn dây cáp điện cao áp
- IEC 60228: Dây dẫn của cáp cách điện
- IEC 60229: Các thử nghiệm trên oversheaths cáp mà có chức năng bảo vệ đặc biệt và được áp dụng bằng cách đun
- IEC 60287: Cáp điện - Tính toán cường độ dòng điện
- IEC 60332: Kiểm tra trên dây cáp điện trong điều kiện cháy
- IEC 60811: Phương pháp thử nghiệm chung đối với vật liệu cách điện và vỏ bọc của cáp điện
- IEC 60230: Kiểm tra xung trên dây cáp và phụ kiện
- IEC 60840: Dây cáp điện với lớp bọc cách điện và các phụ kiện cho điện áp định mức trên 30 kV ($U_m = 36 \text{ kV}$) lên đến 150 kV ($U_m = 170 \text{ kV}$) - Phương pháp thử và yêu cầu
- IEC 60853: Tính toán cường độ dòng điện theo chu kỳ và cường độ khẩn cấp dây cáp

- TCVN 8665:2012: Cấp sợi quang – Yêu cầu kỹ thuật
- IEC 60502-2: Quy định về Cấp ngầm trung thế

1.3.3. Tiêu chuẩn chiếu sáng

- TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014): Tính năng đèn điện phần 2-1 yêu cầu cụ thể đối với đèn LED
- TCVN 10886:2015 (IES LM 79-08): Phép đo điện và quang cho các sản phẩm chiếu sáng rắn
- TCVN 10887:2015 (IES LM 80-08): Phương pháp đo độ duy trì quang thông của các nguồn sáng LED
- TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014): Mô đun đèn LED dành cho chiếu sáng thông dụng
- TCVN 8781:2015 (IEC 62031:2014): Mô đun đèn LED dùng trong chiếu sáng thông dụng
- 11-TCN-18-2006: Quy phạm trang bị điện
- TCVN 7114-1:2018: Chiếu sáng nơi làm việc - Phần 1 - Trong nhà
- TCXDVN 333:2005: Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị

1.3.4. Tiêu chuẩn thiết kế hệ thống điện nhẹ

- TCXD 9207:2012: Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và trong công trình
- TCXD 9206:2012: Lắp đặt thiết bị điện trong nhà ở và trong công trình.
- TCXD 9358:2012: Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp – yêu cầu chung.
- TCVN 9385:2012: Chống sét cho công trình xây dựng – Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống
- TCN 68-176:2006: Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất. Tiêu chuẩn chất lượng.
- TCN 68-227:2006: Dịch vụ truy nhập Internet ADSL – Tiêu chuẩn chất lượng.
- TCVN 2103-1994: Dây điện bọc nhựa PVC

1.4. Bộ môn cấp thoát nước

- TCVN 13606:2023: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình yêu cầu thiết kế.
- TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.
- TCVN 3989:2012: Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng – Cấp nước và thoát nước – Mạng lưới bên ngoài – Bản vẽ thi công.
- TCVN 4513-1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế
- TCVN 4474-1987: Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế
- Và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

1.5. Bộ môn điều hòa không khí, thông gió và chống tụ ẩm

- TCVN 5687-2024: Thông gió Điều hòa không khí - yêu cầu thiết kế.
- TCVN 13580: Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu chế tạo đường ống.
- TCVN 13581: Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu lắp đặt đường ống và nghiệm thu hệ thống.



- TCVN 4088-2012: Số liệu khí hậu dùng trong thiết kế xây dựng.
- TCXDVN 175-2005: Mức ồn tối đa cho phép trong công trình công cộng-tiêu chuẩn thiết kế.
- ASHRAE Handbooks and Standard: Tiêu chuẩn & các hướng dẫn điều hòa không khí và thông gió của hiệp hội kỹ sư Lạnh Mỹ.
- BS: Tiêu chuẩn Anh về điều hòa không khí và thông gió.
- SMACNA: Hiệp hội quốc gia về kim loại tấm trong điều hòa Hoa Kỳ.
- IEE: Quy định về cáp và dây dẫn.
- ARI: Tiêu chuẩn thiết bị Lạnh.
- Và các tiêu chuẩn khác có liên quan.

1.6. Bộ môn hạ tầng

- TCVN 13592-2022: Đường đô thị – Yêu cầu thiết kế
- TCVN 4054-05: Tiêu chuẩn thiết kế đường ô tô.
- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế
- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu.
- TCVN 5574:2018: Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép
- TCVN 8788-2011: Sơn tín hiệu giao thông – Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước – Quy trình thi công và nghiệm thu
- TCVN 8791-2011: Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo – Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu.
- TCVN 8816:2011: Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit
- TCVN 8817:2011: Nhũ tương nhựa đường gốc axit
- TCVN 8818:2011: Nhựa đường lỏng
- TCVN 8860:2011: Bê tông nhựa – phương pháp thử
- TCVN 8871 1-6:2011: Vải địa kỹ thuật – phương pháp thử
- TCVN 8857:2011: Lốp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên – Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8861:2011: Áo đường mềm - Xác định mô-đun đàn hồi của áo đường mềm bằng tấm ép cứng;
- TCVN 8867:2025: Áo đường mềm - Xác định mô-đun đàn hồi của áo đường mềm bằng cần đo độ võng Benkelman;

RESOLUTION

Regarding the approval of adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan's livestock slaughtering and food processing plant"

**THE GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS
VISSAN JOINT STOCK COMPANY**

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 (amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025);

Pursuant to the Charter of Vissan Joint Stock Company (VISSAN Company) approved by the General Meeting of Shareholders on September 09, 2026;

Pursuant to Proposal No.4106/TTr-HĐQT-VISSAN dated 18/9/2026 of the Board of Directors of Vissan Joint Stock Company regarding the approval of adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan's livestock slaughtering and food processing plant";

Pursuant to the Minutes of counting written opinions of shareholders dated 30/9/2026

HEREBY RESOLVES:

Article 1. Approve the adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan's livestock slaughtering and food processing plant", specifically as follows:

1. Project Name: Relocation and technological innovation of Vissan's livestock slaughtering and food processing plant

2. Project Category and Group: category and grade of the main works; design lifespan of the main works:

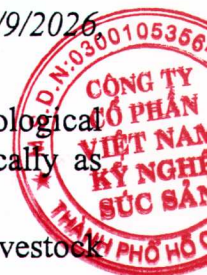
- Project category: Industrial construction investment project;
- Project group: Group B;
- Category and grade of the main works: Industrials works; Grade II;
- Design lifespan of the main works: 100 years

3. Project Identification Code: 8026217292000

4. Construction Location:

- Project location: Thanh Loi Commune, Tay Ninh Province.
- Construction site: Land plot No. 58, Map sheet No. 6.
- Specific boundaries:

- + North: borders Quang Sang canal;
- + South: borders Boi Ly canal;
- + East: borders Provincial Road 830 and residential land;
- + West: Vam Co Dong River.



- Project land use area: 224.012,08m².
- Land area suitable for planning: 206.657,8m²
- Total construction floor area: 76.991,4m², including:
 - + Construction floor area of main works: 66.683m²
 - + Construction floor area of technical infrastructure works: 10.308,4m²

5. Investment Decision Maker: General Meeting of Shareholders of Vissan Joint Stock Company.

6. Investor: Vissan Joint Stock Company.

7. Consulting Contractors:

- Contractor for adjusting the Feasibility Study Report and basic design: Sagen Constructive Design Consultancy Joint Stock Company, Business Registration No. 0305171144.

- Construction survey contractor: Hop Phat Construction Investment Design Consulting Joint Stock Company, Business Registration No. 0309531969.

- Verification contractor: CC Construction Consulting Company Limited, Business Registration No. 0301445549.

- Project management consulting contractor: HUTECH Technology Engineering Construction Investment Joint Stock Company, Business Registration No. 0312278392.

8. Investment Objectives:

- Relocate VISSAN's old production and business premises out of the city center according to the policy of Ho Chi Minh City;

- Innovate the livestock slaughtering technology line (VISSAN's current technology is outdated, originating from before 1975);

- Increase production output, enhance competitiveness, increase brand recognition, and complete the set business and production targets;

- Form a closed production area to ensure food hygiene, safety, and traceability.

9. Construction Investment Scale:

- Pig slaughtering line: Capacity 240 heads/hour.

- Relocation of 01 buffalo and cow slaughtering line: Capacity 30 heads/hour.

- Chinese sausage production: Scale 900 tons/year.

- Canned food production: Scale 2,650 tons/year.

- Pasteurized sausage production: Scale 20,800 tons/year.

- Cold cuts production: Scale 3,400 tons/year..

- Vietnamese sausage (Giò) production: Scale 1,500 tons/year.

- Other processed goods production: Scale 5,600 tons/year.

- Auxiliary systems: Cold storage, freezing, cool storage, wastewater, and solid waste treatment.

10. Number of Design Steps; Applied Technical Regulations and Standards:

- Number of design steps: 02 steps (Basic design and construction drawing design).
- Applied regulations and standards are presented in the attached Appendix 1.

11. Total Project Construction Investment: 1,558,444,936,417 VND (In words: One trillion, five hundred fifty-eight billion, four hundred forty-four million, nine hundred thirty-six thousand, four hundred seventeen Vietnamese Dong).

Value of cost items in the total investment:

No.	CONTENT	COST (VND)
1	Construction cost	882.440.373.823
2	Equipment cost	417.267.885.481
	- Cost of installation equipment	215.851.319.529
	- Cost of equipment for the 240 heads/hour pig slaughtering line	145.200.000.000
	- Equipment relocation and installation cost	56.216.565.952
3	Project management cost	9.017.662.963
4	Construction investment consulting cost	32.771.083.536
5	Other costs	7.402.487.291
6	Interest expense during construction	133.269.085.202
7	Contingency cost	76.276.358.121

12. Project Implementation Time (groundbreaking/commencement): November 2026

13. Investment Capital Source: Capital structure: Equity (minimum 30%); borrowed capital (maximum 70%).

14. Project Management Organization Form: Hiring a project management consultant.

15. Bidding Package Division Plan: Ensuring competitiveness, transparency, efficiency, and suitability with the actual implementation of the project's bidding packages.

16. Construction Plan (Basic Design):

The basic design was established based on conformity with the approved 1/500 detailed construction plan under Decision No. 1862/QĐ-UBND of the People's Committee of Thanh Loi Commune dated May 6, 2026.

The basic design was appraised by the Department of Construction in Appraisal Notice No. 8511/SXD-QLHĐXD dated July 14, 2026.

17. Economic efficiency indicators of the project:

- Net Present Value: 67,5 billion VND
- Internal Rate of Return (IRR): 10.45%
- Payback period: 19 years and 11 months

18. Political Efficiency:

Implementing Decision No. 3976/QĐ-UBND dated September 19, 2019 of the Ho Chi Minh City People's Committee on recovering state-owned housing and land, including

the current land of VISSAN Plant at 420 No Trang Long, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh City; and Notice No. 837/TB-VP dated October 20, 2023 of the HCMC People's Committee Office regarding the conclusion of Chairman of the City People's Committee concerning the relocation progress and site return of Vissan Plant at 420 No Trang Long, Binh Loi Trung Ward, HCMC, is to fulfill the political task of Vissan Company.

19. Social Efficiency:

- During construction: Creates jobs for construction workers and specialized engineers during project preparation and execution.

- During operation: Creates jobs primarily for factory workers, sales staff, and office personnel. The centralized, modern slaughtering line strictly follows food hygiene standards, ensuring consumer safety. It helps stabilize prices and serve consumers during peak seasons like Holidays and Tet. It also contributes to the development of the livestock industry by providing high-quality, safe food products for society.

Article 2. Assign the Board of Directors to organize and implement the next steps of the project in strict compliance with the provisions of the law on construction, the law on investment, other relevant legal regulations, and the Charter and Regulations of VISSAN Company.

Article 3. This Resolution takes effect from the date of signing.

Article 4. Members of the Board of Directors, the Board of General Directors, the Chief Accountant, Heads of Departments, Divisions, Units, and relevant individuals are responsible for implementing this Resolution.

Recipients:

- As Article 4;
- Supervisory Board;
- Archived: Clerical Office, Secretary of BOD (T)

**ON BEHALF OF THE GENERAL
MEETING OF SHAREHOLDERS
CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS**



Trương Hồng Phong



APPENDIX 1 LIST OF APPLICABLE CODES AND STANDARDS

(Attached to Resolution No.03/NQ-ĐHĐCĐ-VISSAN dated October 1, 2026)

1. Applicable Technical Regulations.

- **QCVN 01:2021/BXD**: National Technical Regulation on Construction Planning.
- **QCVN 02:2022/BXD**: National Technical Regulation on Natural Physical and Climatic Data for Construction.
- **QCXDVN 05:2008/BXD**: Dwellings and Public Buildings – Life Safety and Health.
- **QCVN 06:2022/BXD - Amendment 1:2023**: National Technical Regulation on Fire Safety for Houses and Buildings.
- **QCVN 10:2025/BCA**: National Technical Regulation on Provision and Installation of Fire Fighting, Rescue, and Salvage Equipment for Houses and Buildings.
- **QCVN 07:2023/BXD**: National Technical Regulation on Technical Infrastructure Facilities.
- **QCVN 08:2009/BXD**: National Technical Regulation on Underground Urban Works.
- **QCVN 09:2017/BXD**: National Technical Regulation on Energy Efficiency Buildings.
- **QCVN 13:2018/BXD**: National Technical Regulation on Car Parking Garages.
- **Plumbing Code for Inside Buildings and Structures** (*issued under Decision No. 47/1999/QĐ-BXD*).
- **QCVN 14:2025/BTNMT**: National Technical Regulation on Domestic Wastewater.
- **QCVN 40:2025/BTNMT**: National Technical Regulation on Industrial Wastewater.
- And other relevant prevailing Technical Regulations.

2. Applicable Standards

1.1. Architectural Discipline

- Applicable standards for architectural design include:
- **TCVN 3904:1984**: Industrial Enterprises Buildings – Geometric Parameters.
- **TCVN 4514:2012**: Industrial Enterprises – General Layout – Design Standard.
- **TCVN 4604:2012**: Industrial Enterprises – Production Buildings – Design Standard.
- And other relevant prevailing codes and standards.

1.2. Structural Discipline

- **TCVN 2737:2023**: Loads and Actions – Design Standard.
- **TCVN 9386:2025**: Design of Structures for Earthquake Resistance.
- **TCVN 5574:2018**: Concrete and Reinforced Concrete Structures – Design Standard.
- **TCVN 5575:2024**: Steel Structures – Design Standard.
- **TCVN 10304:2025**: Pile Foundations – Design Standard.
- **TCVN 9393:2012**: Piles – Field Testing Method by Static Axial Compressive Load.
- **TCVN 9362:2012**: Design of Foundations of Buildings and Structures.
- **TCVN 9363:2012**: Survey for Construction – Geotechnical Investigation for High-Rise Buildings.



- **TCVN 9379:2012:** Building Structures and Foundations – Basic Principles of Calculations.
- **TCVN 9346:2012:** Concrete and Reinforced Concrete Structures – Requirements for Protection Against Corrosion in Marine Environments.
- **TCVN 1651-1:2018:** Steel for the Reinforcement of Concrete – Part 1: Plain Bars.
- **TCVN 1651-2:2018:** Steel for the Reinforcement of Concrete – Part 2: Ribbed Bars.

Note: Structural engineering documents strictly comply with prevailing TCVN; foreign standards may be applied supplementarily as necessary, ensuring consistency and alignment with applicable regulations.

1.3. BElectrical and Extra-Low Voltage (ELV) Discipline

1.3.1. Electrical Design Standards:

- **11 TCN-18-2006:** Electrical Equipment Regulations – General Rules.
- **11 TCN-19-2006:** Electrical Equipment Regulations – Wiring Systems.
- **11 TCN-20-2006:** Electrical Equipment Regulations – Switchgear Installations and Substations.
- **11 TCN-21-2006:** Electrical Equipment Regulations – Protection and Automation.
- **Circular 05/2025/TT-BCT:** Regulations on Electricity Distribution Systems.
- **Circular 25/2016/TT-BCT:** Regulations on Electricity Transmission Systems.
- **TCVN 9206:2012:** Installation of Electrical Equipment in Dwellings and Public Buildings.
- **TCVN 9207:2012:** Installation of Electrical Wiring in Dwellings and Public Buildings.
- **TCXD 9358:2012:** Installation of Equipment Grounding Systems for Industrial Premises – General Requirements.
- **TCVN 9385:2012:** Lightning Protection for Construction Works – Guide for Design, Inspection, and Maintenance of Systems.
- **TCVN 9888-3:2013:** Protection Against Lightning – Part 3: Physical Damage to Structures and Life Hazard.
- **TCVN 7114-1:2008:** Lighting of Work Places – Part 1: Indoor.
- **TCVN 7447:** Series of National Standards on Electrical Installations of Buildings (Low Voltage – up to 1,000V AC).

1.3.2. IEC Standards for Underground Cables:

- **IEC 60183:** Guidance for the selection of high-voltage A.C. cable systems.
- **IEC 60228:** Conductors of insulated cables.
- **IEC 60229:** Electric cables – Tests on extruded oversheaths with a special protective function.
- **IEC 60287:** Electric cables – Calculation of current rating.
- **IEC 60332:** Tests on electric and optical fibre cables under fire conditions.
- **IEC 60811:** Common test methods for insulating and sheathing materials of electric and optical cables.
- **IEC 60230:** Impulse tests on cables and their accessories.

- IEC 60840: Power cables with extruded insulation and their accessories for rated voltages above 30 kV ($U_m = 36$ kV) up to 150 kV ($U_m = 170$ kV) - Test methods and requirements.
- IEC 60853: Calculation of the cyclic and emergency current rating of cables.
- TCVN 8665:2012: Optical Fibre Cables – Technical Requirements.
- IEC 60502-2: Quy định về Cấp ngầm trung thế

1.3.3. Lighting Standards:

- TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014): Luminaire Performance – Part 2-1: Particular requirements for LED luminaires.
- TCVN 10886:2015 (IES LM 79-08): Electrical and Photometric Measurements of Solid-State Lighting Products.
- TCVN 10887:2015 (IES LM 80-08): Measuring Luminous Flux and Color Maintenance of LED Packages, Arrays, and Modules.
- TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014): LED Modules for General Lighting – Performance Requirements.
- TCVN 8781:2015 (IEC 62031:2014): LED Modules for General Lighting – Safety Specifications.
- 11-TCN-18-2006: Electrical Equipment Regulations.
- TCVN 7114-1:2018: Lighting of Work Places – Part 1: Indoor.
- TCXDVN 333:2005: Design Standard for Artificial Outdoor Lighting of Public Buildings and Urban Infrastructure.

1.3.4. TExtra-Low Voltage (ELV) Design Standards:

- TCXD 9207:2012: Installation of Electrical Wiring in Dwellings and Public Buildings.
- TCXD 9206:2012: Installation of Electrical Equipment in Dwellings and Public Buildings.
- TCXD 9358:2012: Installation of Equipment Grounding Systems for Industrial Premises: General Requirements.
- TCVN 9385:2012: Lightning Protection for Construction Works – Guide for Design, Inspection, and Maintenance of Systems.
- TCN 68-176:2006: Telephone Services over Public Switched Telephone Network (PSTN) – Quality Standards.
- TCN 68-227:2006: ADSL Internet Access Services – Quality Standards.
- TCVN 2103-1994: PVC Insulated Electric Wires.

1.4. Plumbing and Drainage Discipline

- TCVN 13606:2023: Water Supply – Distribution Networks and Facilities – Design Requirements.
- TCVN 7957:2023: : Drainage and Sewerage – External Networks and Facilities – Design Standard.
- TCVN 3989:2012: System of Design Documents for Construction – Water Supply and Drainage – External Networks – Working Drawings.
- TCVN 4513-1988: Internal Water Supply – Design Standard.
- TCVN 4474-1987: Internal Drainage – Design Standard.



- And other relevant standards.

1.5. HVAC and Smoke Control Discipline

- TCVN 5687:2024: Ventilation and Air Conditioning – Design Requirements.
- TCVN 13580: Ventilation and Air Conditioning – Requirements for Ductwork Manufacturing.
- TCVN 13581: Ventilation and Air Conditioning – Requirements for Ductwork Installation and Commissioning.
- TCVN 4088-2012: Climatic Data for Building Design.
- TCXDVN 175-2005: Maximum Permissible Noise Levels in Public Buildings – Design Standard.
- ASHRAE Handbooks and Standard: American Society of Heating, Refrigerating and Air-Conditioning Engineers Standards and Guidelines..
- BS: British Standards for Heating, Ventilation, and Air Conditioning.
- SMACNA: Sheet Metal and Air Conditioning Contractors' National Association Standards..
- IEE: Regulations for Electrical and Cabling Installations.
- ARI: Air-Conditioning and Refrigeration Institute Standards.
- And other relevant standards.

1.6. Civil and Site Infrastructure Discipline

- TCVN 13592-2022: Urban Roads – Design Requirements.
- TCVN 4054-05: Highway – Design Standard.
- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Flexible Pavements – Design Requirements and Guidelines
- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Standards for Highway Investigation and Subgrade Design on Soft Ground.
- TCVN 5574:2018: Concrete and Reinforced Concrete Structures – Design Standard.
- TCVN 8788-2011: Traffic Sign Paint – Solvent-Borne and Water-Borne Road Marking Paints – Construction and Acceptance Procedures.
- TCVN 8791-2011: Traffic Sign Paint – Thermoplastic Reflective Road Marking Materials – Technical Requirements, Test Methods, Construction, and Acceptance.
- TCVN 8816:2011: Cationic Polymer-Modified Emulsified Asphalt.
- TCVN 8817:2011: Cationic Emulsified Asphalt.
- TCVN 8818:2011: Cutback Asphalt.
- TCVN 8860:2011: Asphalt Concrete – Test Methods.
- TCVN 8871 1-6:2011: Geotextiles – Test Methods.
- TCVN 8857:2011: Pavement Base/Subbase Courses of Natural Aggregate Materials – Materials, Construction, and Acceptance.
- TCVN 8861:2011: Flexible Pavements – Determination of Elastic Modulus by Rigid Plate Loading Test.
- TCVN 8867:2025: Flexible Pavements – Determination of Elastic Modulus Using the Benkelman Beam Deflection Method.



VISSAN JOINT STOCK COMPANY

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence – Freedom – Happiness

Ho Chi Minh City, September 30 2026

**VOTE COUNTING MINUTES COLLECTING
SHAREHOLDERS' WRITTEN OPINIONS**

Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 (amended and supplemented by Law No. 03/2022/QH15 dated January 11, 2022, and Law No. 76/2025/QH15 dated June 17, 2025);

Pursuant to the Charter of Vissan Joint Stock Company (Vissan Company) approved by the General Meeting of Shareholders on September 9, 2026;

Pursuant to Proposal No. 4106/TTr-HĐQT-VISSAN dated September 18, 2026, of the Board of Directors of Vissan Company regarding the approval of adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan livestock slaughtering and food processing plant";

Pursuant to the Opinion Ballots of shareholders sent to Vissan Company up to 17:00 on September 29, 2026;

Today, at 14:00 on September 30, 2026, at the Office of Vissan Joint Stock Company (Vissan), No. 420 No Trang Long, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh City, Vissan Company conducts the vote counting for shareholders' written opinions regarding the approval of adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan livestock slaughtering and food processing plant" with the Vote Counting, Witnessing, and Supervising Committee as follows:

- Mr. Truong Hong Phong – Chairman of the BOD: Head of the Committee;
- Mr. Le Minh Tuan – Vice Chairman of the BOD; General Director: Member;
- Mr. Nguyen Duong – Person in charge of Corporate Governance: Member;
- Mr. Luong Vo Thai Tai – Secretary of the BOD: Secretary;
- Mr. Truong Viet Tien – Head of the Supervisory Board: Witnessing and supervising the vote counting.

The Vote Counting, Witnessing, and Supervising Committee has conducted the vote counting, and the results are as follows:

A. INFORMATION ON THE ORGANIZATION COLLECTING OPINIONS:

- Organization Name: Vissan Joint Stock Company
- Address: 420 No Trang Long, Binh Loi Trung Ward, Ho Chi Minh City

- Enterprise Registration Certificate: No. 0300105356 issued for the first time by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City on October 11, 2006, 44th amendment dated August 25, 2026.

B. PURPOSE AND CONTENT OF COLLECTING OPINIONS:

I. Purpose of collecting opinions:

To collect shareholders' written opinions on approving the adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan livestock slaughtering and food processing plant" in accordance with the details set forth in Proposal No. 4106/TTr-HĐQT-VISSAN dated September 18, 2026.

II. Content of collecting opinions:

Approval of adjustments to the Project "Relocation and technological innovation of Vissan livestock slaughtering and food processing plant".

C. PRINCIPLES AND RESULTS OF VOTE COUNTING:

I. Vote counting principles:

1. A shareholder opinion ballot is considered invalid if it falls into any of the following cases:

- The ballot has 02 or more boxes marked for the issue requiring an opinion;
- The ballot lacks a signature (if the shareholder is an individual) or lacks the signature of the legal representative (if the shareholder is an organization);
- The ballot is not enclosed in a sealed envelope;
- The ballot is sent after 17:00 on September 29, 2026 (according to the postmark or email timestamp);
- The ballot does not follow the official form issued by Vissan Company;
- The ballot is altered, erased, or marked with additional symbols.

2. A ballot is considered to have a "No opinion" voting result:

- When all 3 boxes (Approve, Disapprove, No opinion) for the issue are left blank, but the Shareholder still signs, states their full name, and stamps (if an organization) the ballot, it is considered as having no opinion.

3. Decisions are passed in the form of collecting shareholders' written opinions if approved by shareholders representing over 50% of the total voting shares of all eligible voting shareholders.

4. The members of the Vote Counting, Witnessing, and Supervising Committee are jointly responsible for the honesty and accuracy of the vote counting minutes; and jointly liable for any damages arising from decisions passed due to dishonest or inaccurate vote counting.

II. VOTE COUNTING RESULTS

1. Time for collecting shareholders' opinions: From September 18, 2026, to before 17:00 on September 29, 2026.

2. Total number of shareholders on the final registration date (September 15, 2026) for written opinions is 1,084 shareholders, owning and representing 80,905,100 shares, of which:

- The number of eligible voting shareholders is 1,083, corresponding to 80,904,500 voting shares.

- The number of non-voting shares is 600 shares (these are Treasury shares held by Vissan Company).

Total number of opinion ballots sent to the registered addresses of shareholders and shareholder representatives: 1,088 ballots (in which the shareholder Saigon Trading Group - One Member Limited Liability Company was allocated 06 ballots, corresponding to 06 authorized individuals representing the management of capital), corresponding to 80,904,500 shares, accounting for 100% of the total voting shares.

3. Number of valid ballots returned: 16 ballots, corresponding to 75,075,932 shares, accounting for 92.7957% of the voting shares.

4. Number of invalid ballots returned: 2 ballots, corresponding to 2,400 shares, accounting for 0.0030% of the voting shares.

5. Number of ballots not returned by shareholders: 1,070 ballots, corresponding to 5,826,168 shares, accounting for 7.2013% of the voting shares.

(Attached is the list of voting shareholders)

VOTE COUNTING RESULTS

No.	Content	Number of Ballots	Number of Voting Shares	% Ratio
1	"Approve" ballots	13	54,873,106	67.8245%
2	"Disapprove" ballots	0	0	0%
3	"No opinion" ballots	3	20,202,826	24.9712%
4	Invalid returned ballots	2	2,400	0.0030%
5	Unreturned ballots to Vissan Company	1,070	5,826,168	7.2013%
	Total	1,088	80,904,500	100.000%



D. APPROVED RESOLUTION:

With the number of "Approve" voting shares reaching a ratio of 67.8245% of the total voting shares, pursuant to the Charter of Vissan Joint Stock Company, the General Meeting of Shareholders (GMS) of Vissan Joint Stock Company has decided to approve the adjustments to the "Project on relocation and technological innovation of Vissan livestock slaughtering and food processing plant" according to the detailed content in Proposal No. 4106/TTr-HĐQT-VISSAN dated September 18, 2026.

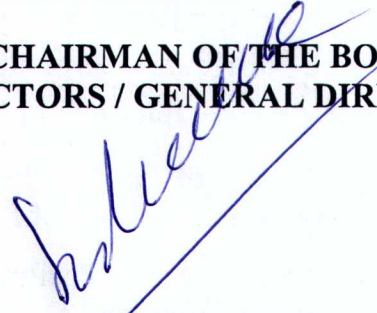
The vote counting minutes are made in 02 (two) copies with full content and equal legal validity. The Vote Counting, Witnessing, and Supervising Committee keeps 01 (one) copy and 01 (one) copy is archived at Vissan Joint Stock Company.

SIGNATURES OF THE VOTE COUNTING, WITNESSING, AND SUPERVISING COMMITTEE

**CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS**


Truong Hong Phong

**VICE CHAIRMAN OF THE BOARD OF
DIRECTORS / GENERAL DIRECTOR**


Le Minh Tuan

**PERSON IN CHARGE OF
CORPORATE GOVERNANCE**


Nguyen Duong

HEAD OF THE SUPERVISORY BOARD


Truong Viet Tien

SECRETARY


Luong Vo Thai Tai



**CÔNG TY CỔ PHẦN
VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2026

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU
LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 (sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025);

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (Công ty Vissan) được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 09/9/2026;

Căn cứ Tờ trình số 4106/TTr-HĐQT-VISSAN ngày 18/9/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Vissan về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”;

Căn cứ Phiếu lấy ý kiến của các cổ đông gửi về Công ty Vissan tính đến 17 giờ ngày 29/9/2026;

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 ngày 30/9/2026 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản (Vissan), số 420 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Vissan tiến hành kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan” với thành phần Ban Kiểm phiếu, chứng kiến và giám sát kiểm phiếu như sau:

- | | |
|---|--------------------------------------|
| - Ông Trương Hồng Phong – Chủ tịch HĐQT | : Trưởng ban; |
| - Ông Lê Minh Tuấn – Phó Chủ tịch HĐQT; Tổng Giám đốc | : Thành viên; |
| - Ông Nguyễn Dương – Người phụ trách quản trị Công ty | : Thành viên; |
| - Ông Lương Võ Thái Tài – Thư ký HĐQT | : Thư ký; |
| - Ông Trương Việt Tiến – Trưởng Ban Kiểm soát | : Chứng kiến và giám sát kiểm phiếu. |

Ban Kiểm phiếu, chứng kiến và giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đã tiến hành kiểm phiếu và kết quả kiểm phiếu như sau:

A. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC LẤY Ý KIẾN:

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản
- Địa chỉ: 420 Nơ Trang Long, Phường Bình Lợi Trung, Thành phố Hồ Chí Minh
- Giấy CNĐKDN: số 0300105356 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/10/2006, cấp thay đổi lần thứ 44 ngày 25/8/2026.



B. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN:

I. Mục đích lấy ý kiến:

Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan”.

II. Nội dung lấy ý kiến:

Phê duyệt điều chỉnh Dự án “Di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan” theo nội dung chi tiết tại Tờ trình số 4106/TTr-HĐQT-VISSAN ngày 18/9/2026.

C. NGUYÊN TẮC VÀ KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU:

I. Nguyên tắc kiểm phiếu:

1. Phiếu lấy ý kiến cổ đông được xem là không hợp lệ bao gồm:

- Phiếu đánh dấu vào từ 02 ô trở lên tại vấn đề cần lấy ý kiến;
- Phiếu không có chữ ký (nếu cổ đông là cá nhân), không có chữ ký của người đại diện hợp pháp (nếu cổ đông là tổ chức);
- Phiếu không được đựng trong phong bì kín;
- Phiếu gửi về sau 17h00 ngày 29/9/2026 (theo dấu bưu điện hoặc email);
- Phiếu không theo mẫu Phiếu lấy ý kiến của Công ty Vissan phát hành;
- Phiếu bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu thêm ký hiệu.

2. Phiếu lấy ý kiến được coi là phiếu có kết quả biểu quyết không có ý kiến:

- Khi cả 3 ô (Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến) tại vấn đề cần lấy ý kiến không được đánh dấu nhưng Cổ đông vẫn ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu là tổ chức) vào Phiếu lấy ý kiến thì được xem là không có ý kiến.

3. Các quyết định được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

4. Các thành viên Ban Kiểm phiếu, chứng kiến và giám sát kiểm phiếu liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

II. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

1. Thời gian lấy ý kiến cổ đông: Từ ngày 18/9/2026 đến trước 17h00 ngày 29/9/2026.

2. Tổng số cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng (15/9/2026) để lấy ý kiến bằng văn bản là 1.084 cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu 80.905.100 cổ phần, trong đó:

- Số cổ đông có quyền biểu quyết là 1.083 cổ đông, tương ứng với 80.904.500 cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số cổ phần không có quyền biểu quyết là 600 cổ phần (đây là số cổ phiếu Quỹ do Công ty Vissan nắm giữ)

Tổng số phiếu lấy ý kiến đã gửi đến địa chỉ đăng ký của cổ đông và đại diện cổ đông: 1.088 phiếu (trong đó cổ đông Tổng công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH Một thành viên được phân bổ 06 phiếu, tương ứng với 06 cá nhân đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn), tương ứng với 80.904.500 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Số phiếu lấy ý kiến thu về hợp lệ: 16 phiếu, tương ứng **75.075.932** cổ phần, chiếm tỷ lệ **92,7957%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

4. Số phiếu lấy ý kiến thu về không hợp lệ: 2 phiếu, tương ứng **2.400** cổ phần, chiếm tỷ lệ **0,0030%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

5. Số phiếu lấy ý kiến cổ đông không gửi trả về: 1.070 phiếu, tương ứng **5.826.168** cổ phần, chiếm tỷ lệ **7,2013%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

(Đính kèm danh sách cổ đông tham gia biểu quyết)

KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU

STT	Nội dung	Số Phiếu	Số cổ phần biểu quyết	Tỷ lệ %
1	Phiếu biểu quyết “Tán thành”	13	54.873.106	67,8245%
2	Phiếu biểu quyết “Không Tán thành”	0	0	0%
3	Phiếu biểu quyết “Không có ý kiến”	3	20.202.826	24,9712%
4	Phiếu thu về nhưng không hợp lệ	2	2.400	0,0030%
5	Phiếu không gửi trả về Công ty Vissan	1.070	5.826.168	7,2013%
	Tổng cộng	1.088	80.904.500	100,000%

D. NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC THÔNG QUA:

Với số cổ phần biểu quyết “Tán thành” đạt tỷ lệ 67,8245% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản đã quyết định thông qua việc phê duyệt điều chỉnh “Dự án di dời và đổi mới công nghệ nhà máy giết mổ gia súc và chế biến thực phẩm Vissan” theo nội dung chi tiết tại tờ trình số 4106/TTr-HĐQT-VISSAN ngày 18/9/2026.

Biên bản kiểm phiếu lập thành 02 (hai) bản, có đầy đủ nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Ban Kiểm phiếu, chứng kiến và giám sát kiểm phiếu lưu giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu tại Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản./.

CHỮ KÝ BAN KIỂM PHIẾU, CHỨNG KIẾN VÀ GIÁM SÁT KIỂM PHIẾU

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Hồng Phong

**PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Minh Tuấn

**NGƯỜI PHỤ TRÁCH
QUẢN TRỊ CÔNG TY**



Nguyễn Dương

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Trương Việt Tiến

THƯ KÝ



Lương Võ Thái Tài



CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM KỸ NGHỆ SÚC SẢN

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM GIA BIỂU QUYẾT TẠI PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN ĐỐI VỚI VIỆC PHÊ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN “DI DỜI VÀ ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ NHÀ MÁY GIẾT MỠ GIA SÚC VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VISSAN”

(Đính kèm Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 30/9/2026)

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần có quyền biểu quyết	KẾT QUẢ							
			Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Không hợp lệ	
			Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần
	TỔNG CỘNG	75.078.332	13	54.873.106	-	-	3	20.202.826	2	2.400
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	900	1	900						
2	Hồ Thị Minh Phương	1.000	1	1.000						
3	Võ Minh Quang	110	1	110						
4	Nguyễn Thị Kim Anh	2.900	1	2.900						
5	Nguyễn Minh Tuấn	11.300	1	11.300						
6	Nguyễn Duy Minh Nhật	11.000	1	11.000						



STT	Tên cổ đông	Số cổ phần có quyền biểu quyết	KẾT QUẢ							
			Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Không hợp lệ	
			Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần
7	Công đoàn Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản	16.018	1	16.018						
8	Trương Hồng Phong (được cổ đông Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV ủy quyền)	16.804.481	1	16.804.481						
9	Lê Minh Tuấn (được cổ đông Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV ủy quyền)	12.944.816	1	12.944.816						
10	Trương Hải Hưng (được cổ đông Tổng Công ty Thương mại Sài	8.090.510	1	8.090.510						

STT	Tên cổ đông	Số cổ phần có quyền biểu quyết	KẾT QUẢ							
			Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Không hợp lệ	
			Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần
	Gòn – TNHH MTV ủy quyền)									
11	Phan Văn Phúc (được cổ đông Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV ủy quyền)	8.090.510	1	8.090.510						
12	Trương Việt Tiến (được cổ đông Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV ủy quyền)	4.854.306	1	4.854.306						
13	Trịnh Thị Vân Anh (được cổ đông Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn – TNHH MTV ủy quyền)	4.045.255	1	4.045.255						



STT	Tên cổ đông	Số cổ phần có quyền biểu quyết	KẾT QUẢ							
			Tán thành		Không tán thành		Không có ý kiến		Không hợp lệ	
			Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần	Số phiếu	Số cổ phần
14	Lại Văn Nhớ	1.900							1	1.900
15	Đặng Thị Hoa	500							1	500
16	Cao Ngọc Tiến	2.800					1	2.800		
17	Lê Thị Rô	20.000					1	20.000		
18	Công ty Cổ phần Masan Meatlife	20.180.026					1	20.180.026		



VISSAN JOINT STOCK COMPANY

**LIST OF SHAREHOLDERS PARTICIPATING IN VOTING VIA THE COLLECTION OF WRITTEN OPINIONS
REGARDING THE APPROVAL OF THE ADJUSTMENT TO THE PROJECT “RELOCATION AND TECHNOLOGICAL
INNOVATION OF VISSAN LIVESTOCK SLAUGHTER AND FOOD PROCESSING FACTORY”**

(Attached to the Vote Counting Minutes dated September 30, 2026)



No.	Shareholder Name	Number of shares with voting rights	RESULTS							
			Approved		Disapproved		No opinion		Invalid	
			Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares
	TOTAL	75.078.332	13	54,873,106	-	-	3	20,202,826	2	2,400
1	Nguyen Thi Kim Ngan	900	1	900						
2	Ho Thi Minh Phuong	1,000	1	1,000						
3	Vo Minh Quang	110	1	110						
4	Nguyen Thi Kim Anh	2,900	1	2,900						
5	Nguyen Minh Tuan	11,300	1	11,300						
6	Nguyen Duy Minh Nhat	11,000	1	11,000						

No.	Shareholder Name	Number of shares with voting rights	RESULTS							
			Approved		Disapproved		No opinion		Invalid	
			Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares
7	Union of Vissan Joint Stock Company	16,018	1	16,018						
8	Trương Hồng Phong (authorized by shareholder Saigon Trading Group - One Member LLC)	16,804,481	1	16,804,481						
9	Lê Minh Tuấn (authorized by shareholder Saigon Trading Group - One Member LLC)	12,944,816	1	12,944,816						
10	Trương Hải Hưng (authorized by shareholder Saigon Trading Group - One Member LLC)	8,090,510	1	8,090,510						

No.	Shareholder Name	Number of shares with voting rights	RESULTS							
			Approved		Disapproved		No opinion		Invalid	
			Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares
11	Phan Văn Phúc (authorized by shareholder Saigon Trading Group - One Member LLC)	8,090,510	1	8,090,510						
12	Trương Việt Tiến (authorized by shareholder Saigon Trading Group - One Member LLC)	4,854,306	1	4,854,306						
13	Trịnh Thị Vân Anh (authorized by shareholder Saigon Trading Group - One Member LLC)	4,045,255	1	4,045,255						
14	Lai Van Nho	1,900							1	1,900
15	Dang Thi Hoa	500							1	500



No.	Shareholder Name	Number of shares with voting rights	RESULTS							
			Approved		Disapproved		No opinion		Invalid	
			Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares	Number of votes	Number of shares
16	Cao Ngoc Tien	2,800					1	2,800		
17	Le Thi Ro	20,000					1	20,000		
18	Masan Meatlife Joint Stock Company	20,180,026					1	20,180,026		